

Bản án số: 96/2020/DS-PT
Ngày : 22 - 6 - 2020
V/v Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VL

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán:

Ông Cao Văn Lạc

Ông Phạm Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh VL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL: Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLPT – DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M; địa chỉ: Phường A, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần M Hoan H, địa chỉ: xã TH, huyện LH, tỉnh VL, theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2020 (có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị Kim C; địa chỉ: ấp 5, xã P, huyện TB, tỉnh VL (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Tường L; địa chỉ: Phường A, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Tường L: ông Nguyễn Hoàng M cùng địa chỉ bà L, là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 01

tháng 8 năm 2019 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Trí D; địa chỉ: Phường A, thành phố VL, tỉnh VL (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:

Do quen biết nên trong năm 2013 bà Võ Thị Kim C nhiều lần vay tiền của ông để xoay sở vốn làm ăn và đáo nợ ngân hàng, hẹn vài ngày sau sẽ trả, ông không tính lãi, vay không có thể chấp tài sản bảo đảm, các lần vay đều có viết biên nhận, cụ thể: ngày 17/10/2013 vay 300.000.000 đồng, ngày 23/10/2013 vay 213.000.000 đồng, ngày 20/11/2013 vay 200.000.000 đồng. Trong ngày 20/11/2013 ông và bà C đối chiếu lại số nợ hai bên thống nhất tổng số tiền bà C vay của ông là 713.000.000 đồng, đã trả 425.000.000 đồng, còn nợ lại 288.000.000 đồng vì vậy bà C có viết biên nhận còn nợ ông 288.000.000 đồng. Do các biên nhận cũ không còn giá trị nên ông hủy bỏ. Cuối năm 2013, ông nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ, nhưng bà lần lượt khất hẹn không trả và bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông số tiền vay 288.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Đối với việc bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D thì không liên quan gì đến giao dịch vay tài sản giữa ông với bà C.

Tại bản tự khai đề ngày 05 tháng 7 năm 2019, biên bản ghi lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2019 bị đơn bà Võ Thị Kim C trình bày:

Trước kia bà có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất của bà gồm: thửa 302, thửa 319 và thửa 322 cùng tờ bản đồ số 05, địa chỉ xã CA, huyện MT, tỉnh VL cho người khác để vay tiền, đến hạn không có tiền trả nợ để chuộc lại giấy chứng nhận, thông qua ông K (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ) bà biết ông M cũng có cho vay, vì vậy bà đưa bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M xem để hỏi vay tiền, ông M đồng ý cho bà vay số tiền 300.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn trả nhưng bà không nhớ rõ thời hạn bao lâu, lãi suất thỏa thuận 15.000.000 đồng/tháng. Để làm tin ông M yêu cầu bà thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng để khi bà không trả nợ thì ông sẽ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 17/10/2013, sau khi chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà cùng với ông M, ông D đi đến Văn phòng công chứng Thập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 03 thửa đất trên cho ông D, bản phô tô biên nhận vay 300.000.000 đồng đề ngày 17/10/2013 do ông M xuất trình tại phiên tòa đúng là chữ viết và chữ ký tên của bà, tuy nhiên ông M chỉ đưa cho bà nhận 255.000.000 đồng, trừ trước 01 tháng tiền lãi 15.000.000 đồng và tiền còn 30.000.000 đồng. Ngày 22/10/2013, bà và ông M còn thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

vay thêm vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - chi nhánh VL nhưng không nhớ rõ vay bao nhiêu tiền. Đến ngày trả lãi tháng thứ hai, ông M xuống nhà bà lấy tiền lãi, do bà không có ở nhà nên hẹn lại.

Trong ngày 20/11/2013, ông M cùng nhiều người đến nhà bà gây áp lực yêu cầu trả nợ hoặc phải sang tên quyền sử dụng đất để trừ nợ, vì không còn khả năng trả nợ nên bà đồng ý sang tên quyền sử dụng đất, ông M tự tính tiền nợ lãi là 213.000.000 đồng và đưa thêm cho bà 200.000.000 đồng rồi yêu cầu bà viết biên nhận vay của ông 200.000.000 đồng nhưng thực chất chỉ đưa cho bà 150.000.000 đồng, trừ 50.000.000 đồng tiền cò, ông M còn yêu cầu bà viết biên nhận khác tổng kết nợ với nội dung: vay của ông tổng số tiền 713.000.000 đồng, đã trả 425.000.000 đồng, còn nợ lại 288.000.000 đồng, ngoài ra ông M còn yêu cầu bà viết thêm một biên nhận nhận của ông D 500.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng thực chất không có nhận số tiền này. Sau đó bà không có tiền trả nợ nên ông D làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nghĩ rằng tất cả số tiền nợ vay đã thống nhất khấu trừ xong vào số tiền chuyển nhượng đất, nên bà đi xa làm ăn chứ không phải trốn tránh nghĩa vụ trả nợ như ông M trình bày.

Nay, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M đòi bà trả lại số tiền 288.000.000 đồng, vì đây là tiền lãi, tiền cò ông M tự tính và đã trừ vào tiền chuyển nhượng đất nên bà không còn nợ ông M. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì đã thực hiện xong. Ngoài ra, bà không yêu cầu hoặc đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Bà Võ Thị Tường L là vợ ông M, thống nhất yêu cầu của ông M.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27 tháng 8 năm 2019 người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Trí D trình bày:

Ông D là anh ruột của ông M, sống chung với ông M. Do nhu cầu muốn ra ở riêng nên đầu tháng 10/2013 biết bà C muốn chuyển nhượng đất nên ông thỏa thuận nhận chuyển nhượng các thửa đất nêu trên với giá 500.000.000 đồng, ngày 17/10/2013 ông D và bà C đến Văn phòng công chứng Thký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tuy nhiên lúc này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - chi nhánh VL nên ông yêu cầu bà C phải giải chấp giấy chứng nhận để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Đến ngày 20/11/2013 ông D thanh toán cho bà C đủ 500.000.000 đồng bà C có viết biên nhận cho ông, sau đó bà C trả nợ ngân hàng nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho ông D và ông đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít chính lý đứng tên trên mặt bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời trình bày của bà C cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay với ông M là không đúng, việc bà C vay tiền của ông M không liên quan gì đến việc ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà C. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà C do có tranh chấp với người thứ ba nên ông đã khởi kiện một vụ án khác, còn trong vụ án này ông không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh VL đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M: Buộc bà Võ Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng M và bà Võ Thị Tường L số tiền 288.000.000 (hai trăm tám mươi tám triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 01 năm 2019, bà C có đơn kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông M, lý do: bà không còn nợ ông M số tiền 288.000.000 đồng vì giữa bà và ông M đã thỏa thuận chuyển nhượng 03 thửa đất trên cho ông D là đã trừ hết số tiền bà nợ ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, bà C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà C chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện TB tuyên án sơ thẩm đến ngày 08 tháng 01 năm 2019 bà Võ Thị Kim C nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà C cho rằng ngày 20/11/2013 bà có viết biên nhận để nhận nợ của ông M tổng số tiền 713.000.000 đồng, trả được 425.000.000 đồng, còn nợ lại 288.000.000 đồng, nhưng trên thực tế ông M không có giao cho bà đủ 713.000.000 đồng mà chỉ giao 02 đợt tổng cộng bằng 500.000.000 đồng (đợt 1 giao 300.000.000 đồng và đợt 2 giao 200.000.000 đồng), số tiền còn nợ 288.000.000 đồng chính là tiền lãi và tiền cò. Tuy nhiên bà

C không xuất trình được chứng cứ để chứng M số tiền 288.000.000 đồng là tiền lãi và tiền cò.

Giao dịch giữa ông M với bà C là hợp đồng vay không thế chấp tài sản, bà C cho rằng bà lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 03 thửa đất số 302, 319 và 322 cùng tờ bản đồ số 05, địa chỉ xã CA, huyện MT, tỉnh VL cho ông D là để trừ vào số tiền bà nợ của ông M, nhưng ông M và ông D không thừa nhận điều này.

Qua xem xét hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và biên nhận về việc bà C nhận 500.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông D thì các đương sự không có đề cập gì đến việc chuyển nhượng đất nhằm mục đích trừ vào số tiền bà C nợ ông M.

Bà C thừa nhận biên nhận tổng kết tiền vay với ông M lập ngày 20/11/2013 và biên nhận nhận của ông D 500.000.000 đồng tiền chuyển nhượng 03 thửa đất lập cùng ngày 20/11/2013 đều do bà viết và ký tên, nhưng bà không thừa nhận có nhận của ông D số tiền này, vì giữa bà với ông M thỏa thuận lập hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông D là để trừ số tiền nợ 713.000.000 đồng của ông M. Tuy nhiên bà C cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng M.

Thể hiện tại biên nhận ngày 20/11/2013 do chính tay bà C viết và ký tên thì tính đến ngày 20/11/2013 bà còn nợ ông M 288.000.000 đồng, đến tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn thừa nhận chưa trả cho ông M số tiền này.

Theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005: “chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình trả lại tài sản đó”. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà C trả lại tài sản (số tiền 288.000.000 đồng) cho vợ chồng ông M là phù hợp pháp luật.

Do đó, xét kháng cáo của bà C yêu cầu bác đơn khởi kiện của ông M là không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL có căn cứ chấp nhận.

Bà C phải chịu 300.000 đồng ngàn đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh VL.

Áp dụng: Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Võ Thị Kim C trả cho ông Nguyễn Hoàng M và bà Võ Thị Tường L số tiền 288.000.000 (hai trăm tám mươi tám triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thị Kim C chịu 14.400.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm ngàn).

Hoàn trả ông Nguyễn Hoàng M 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số N_o 0011822 ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh VL.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Võ Thị Kim C chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp ngày 08/10/2019 theo biên lai thu số 0012163 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh VL. Bà C đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi